

Số: 03/TB-UBND

Vạn Phúc, ngày 03 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai
dự toán ngân sách năm 2024 của phường Vạn Phúc

Căn cứ Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 7339/QĐ-UBND ngày 22/12/2024 của UBND quận Hà Đông về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của quận Hà Đông;

Căn cứ Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND phường Vạn Phúc về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của phường Vạn Phúc;

UBND phường Vạn Phúc niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2024
(theo biểu kèm theo)

Địa chỉ niêm yết: Tại trụ sở UBND phường Vạn Phúc (đóng trên bảng tin), Trang thông tin điện tử của UBND phường.

Thời gian niêm yết: kể từ ngày 03/01/2024 đến hết ngày 03/02/2024.

Vậy UBND phường Vạn Phúc thông báo tới toàn thể nhân dân được biết, đến tại trụ sở UBND phường xem niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2024 theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và đóng góp ý kiến./. *vt*

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy - UBND phường;
- Các ban, ngành, đoàn thể phường;
- Các tổ dân phố;
- Đài truyền thanh phường;
- Lưu : VT.



Nguyễn Văn Dự

Đơn vị: UBND PHƯỜNG VẠN PHÚC

Chương: 799

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Theo Thông báo số 03 /TB-UBND ngày 03/01/2024 của UBND phường Vạn Phúc)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng.

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách	7.983.000.000
I	Tổng số thu ngân sách	7.983.000.000
1	Dự toán giao đơn vị thu nộp ngân sách	900.000.000
1.1	Phí, lệ phí	70.000.000
a	Lệ phí hộ tịch	18.000.000
b	Lệ phí công chứng	52.000.000
1.2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp khối hộ	800.000.000
1.3	Thu từ hoa lợi công sản, đất công ích	-
1.4	Thu khác ngân sách	30.000.000
2	Giao phối hợp với Chi cục Thuế thu	7.083.000.000
2.1	Lệ phí môn bài	138.000.000
2.2	Thuế GTGT	3.900.000.000
2.3	Thuế TTĐB	45.000.000
2.4	Thuế thu nhập cá nhân	3.000.000.000
II	Chi từ nguồn thu được để lại	-
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
III	Số thu nộp NSNN	7.983.000.000
1	Dự toán giao đơn vị thu nộp ngân sách	900.000.000
1.1	Phí, lệ phí	70.000.000
a	Lệ phí hộ tịch	18.000.000
b	Lệ phí công chứng	52.000.000
1.2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp khối hộ	800.000.000
1.3	Thu từ hoa lợi công sản, đất công ích	-

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1.4	Thu khác ngân sách	30.000.000
2	Giao phối hợp với Chi cục Thuế thu	7.083.000.000
2.1	Lệ phí môn bài	138.000.000
2.2	Thuế GTGT	3.900.000.000
2.3	Thuế TTĐB	45.000.000
2.4	Thuế thu nhập cá nhân	3.000.000.000
B	Tổng dự toán chi	9.813.932.000
	- Nguồn thu được để lại đơn vị	283.500.000
	- Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.530.432.000
	- Trong đó tiết kiệm chi thường xuyên 10%	407.690.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	7.184.148.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.793.925.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.390.223.000
2	Chi quốc phòng	613.164.000
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	613.164.000
3	Chi an ninh	823.920.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	823.920.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	77.000.000
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	77.000.000
5	Chi bảo đảm xã hội	504.100.000
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	504.100.000
6	Chi hoạt động kinh tế	57.700.000
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	57.700.000
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	38.500.000
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	38.500.000
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	135.700.000
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	135.700.000
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	38.500.000
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	38.500.000
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	57.700.000
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	57.700.000
II	Nguồn vốn viện trợ	-
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-

11